

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2019/HSST**
Ngày: **08/10/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Minh Hoàng**
2. Ông **Văn Thành Nhiều**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/HSST-QĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Thành L, sinh ngày 16/10/1998

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Võ Thanh N, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị U, sinh năm 1971. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Anh **Trương Thành B** - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

*** Người làm chứng:** Chị **Võ Thị Thúy D** - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 07/3/2019, sau khi nghỉ uống bia với những người bạn gồm Trần Trí Tr, Đặng Trung H (V), Đặng Trung T tại quán karaoke Tài Phúc thuộc khu vực thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Võ Thành L cùng Trần Trí Tr và Đặng Trung H điều khiển xe mô tô hiệu Vario 150, biển kiểm soát 68T1-399.56 của ông Võ Thanh N (là cha của Võ Thành L) chạy về nhà ở Kinh 8, khi đi đến khu vực gần cầu Kinh 6 thuộc ấp Đ, xã T, huyện T thì xe của Võ Thành L suýt va quệt vào xe của Trương Thành B, sinh năm 1997, cư trú ấp Đ, xã T, huyện T đang chở bạn là Nguyễn Quốc T sau khi đi ăn hủ tiếu xong về nhà, điều khiển xe đi từ trong lề phải ra hướng Quốc lộ 80 (hướng Vĩnh Thạnh về thành phố Rạch Giá) cùng chiều với Võ Thành L. Lúc này Võ Thành L dừng xe, cả hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau. Võ Thành L dùng mũ bảo hiểm đang đội ném vào người Trương Thành B nhưng Trương Thành B tránh được. Trương Thành B nhào tới đánh Võ Thành L thì được bạn đi cùng Lộc là Trần Trí Tr và Đặng Trung H can ngăn. L chạy lại xe hủ tiếu gần đó tìm hung khí để đánh nhau với B nhưng không tìm được. Hai bên giằng co lời qua tiếng lại một lúc thì B lên xe chở Nguyễn Quốc Tr về nhà.

Sau đó, L về nhà lấy cây dao tự chế dài khoảng 60 cm cán nhựa, lưỡi bằng kim loại và chạy xe một mình đến nhà B tìm B để đánh nhau. B thấy L cầm dao tiến về phía mình nên cầm ống kim loại dài 120cm, đường kính 18mm từ trong nhà đi ra tới đường lộ (Quốc lộ 80), L chạy đến chém B, B cầm đoạn ống kim loại lên đỡ mạnh từ dưới lên trúng vào lưỡi dao làm lưỡi dao của L văng ra khỏi cán và rơi xuống đường. B định đánh L thì có Trần Trí Tr, Đặng Trung H đến can ngăn nên cả hai không đánh nhau nữa, L ném cán dao về phía B và chạy về. Anh Vũ Thế D ngụ ấp Đ, xã T, huyện T đến khuyên can L và nhặt lấy cán dao và lưỡi dao của L để không cho hai bên tiếp tục dùng hung khí đánh nhau, trên đường về nhà anh Vũ Thế D ném bỏ (không nhớ rõ ném dao ở đâu).

L chạy xe về nhà nhưng do còn thù ghét B nên tiếp tục về nhà lấy thêm con dao tự chế dài khoảng 80 đến 100 cm đồng thời điện thoại cho một người bạn tên Nguyễn Thành T (thường gọi là T), sinh năm 1990, cư trú tại tổ 12, ấp Kinh 9, thị trấn T, huyện T, L nói với T là bị đánh và nhờ T đi theo hỗ trợ. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/3/2019, L chạy xe lại nhà T để rước T, khi đi T mang theo 01 con dao tự chế (không rõ đặc điểm cây dao) L chở T đến nhà B khi còn cách khoảng 15m thì L dừng xe, cả hai cầm dao tự chế đi bộ về phía nhà B. B thấy vậy cầm ống kim loại (đã sử dụng khi L đến đánh nhau với B trước đó) từ trong nhà đi ra. Lúc này L đứng ở vị trí đối diện về phía tay phải của B, T đứng đối diện về phía tay trái của B. L dùng dao chém về phía B, B cầm ống kim loại lên đánh trả và đánh trúng bả vai L làm L bị té ngã. L đứng dậy và tiếp tục dùng dao chém từ trên

xuống nhiều nhất vào người B , B đưa ống kim loại lên đỡ thì bị lưỡi dao của L chém trúng làm B bị thương ở tay, đứt lìa ngón tay cái (ngón I) của bàn tay phải. Thấy B bị thương, L dừng lại không tiếp tục chém nữa. L lên xe máy chở T về nhà, sau đó L tự chạy xe về nhà, trên đường về do quá say nên L hai lần bị ngã xe và làm rơi con dao tự chế nhưng không nhớ được vị trí chỗ đánh rơi. Trương Thành B được Nguyễn Quốc Tr đưa đến Trung tâm y tế huyện T điều trị vết thương. Khi xảy ra vụ việc, chị gái của L là Võ Thị Thúy D và Đặng Trung Th (V) đi ngang qua có chứng kiến sự việc.

Ngày 12/3/2019, Võ Thành L đến Công an xã Thạnh Đông A, huyện T đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

*** Kết luận giám định pháp y về thương tích số 237/KL-GDPY ngày 01/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang đối với Trương Thành B như sau:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo mềm căng tay phải.
 - Sẹo xơ cứng ngón I (sẹo mồm cụt), ngón III và ngón IV tay phải.
 - Mất xương đốt gần và đốt xa ngón I tay phải.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 32% (ba mươi hai phần trăm).
3. Vật gây thương tích: vật sắc.
4. Cơ chế gây thương tích vết thương ở bàn tay phải và cẳng tay phải: thương tích ở cẳng tay phải và bàn tay phải được hình thành từ lực tác động vào vị trí khác nhau, theo chiều hướng tác động riêng biệt nhau.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSTH ngày 05/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Võ Thành L về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Võ Thành L . Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thành L mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng: 01 (một) đoạn ống kim loại dài 120cm, đường kính 18mm, tình trạng đã qua sử dụng, bị cong, móp một đoạn.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự.

Bị hại không yêu cầu bị cáo L bồi thường và không nhận tiền bồi thường của bị cáo L. Bị cáo L tự nguyện bồi thường cho bị hại B 11.000.000đ, bị cáo đã tạm nộp 10.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền số 06735 ngày 25/7/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị hại Trương Thành B có ý kiến: đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo Võ Thành L đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn từ việc xe của Trương Thành B điều khiển suýt va quệt vào xe của bị cáo Võ Thành L, nên cả hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau nhưng được can ngăn. Sau đó, bị cáo L về nhà lấy cây dao tự chế đến nhà B chém B, thì B cầm đoạn ống kim loại dài 120cm, đường kính 18mm đỡ từ dưới lên trúng vào lưỡi dao làm lưỡi dao của bị cáo L văng ra khỏi cán và rơi xuống đường được mọi người xung quanh can ngăn nên cả hai không đánh nhau nữa. Tiếp đó, bị cáo L chạy xe về nhà nhưng do còn thù ghét B nên tiếp tục về nhà lấy thêm con dao tự chế có đặc điểm dài khoảng 80 cm đến 100 cm, bề ngang lưỡi dao khoảng

03cm, cán dao bằng kim loại dài khoảng 10 cm, lưỡi dao sắc một bề, mũi dao bầu tròn đồng thời điện thoại cho một người bạn tên Nguyễn Thành T (thường gọi là T), nói với T là bị đánh và nhờ T đi theo hỗ trợ, sau đó, bị cáo L chạy xe lại nhà rước T, T mang theo 01 con dao tự chế (không rõ đặc điểm cây dao) đến nhà B, bị cáo L dùng dao chém về phía B, B cầm ống kim loại (đã sử dụng khi bị cáo L đến đánh nhau với B trước đó) lên đánh trả và đánh trúng bả vai bị cáo làm cho bị cáo bị té ngã. Bị cáo L đứng dậy và tiếp tục dùng dao chém từ trên xuống nhiều nhất vào người B, B đưa ống kim loại lên đỡ thì bị lưỡi dao của bị cáo L chém trúng làm bị thương ở tay, làm mất xương đốt gần và đốt xa ngón I tay phải, tạo sẹo xơ cứng ngón I (sẹo mồm cụt); gây vết thương ở ngón III và ngón IV tay phải và căng tay phải. Bị cáo cố tình thực hiện tội phạm đến cùng với tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do thương tích gây nên là 32% (*Ba mươi hai phần trăm*).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Thành L về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng sức khỏe của con người là vốn quý, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Nguyên nhân dẫn đến bị cáo gây thương tích cho bị hại, là do bị hại điều khiển xe từ trong lề phải ra hướng Quốc lộ 80 cùng chiều với bị cáo mà không quan sát nên suýt va quẹt vào xe của bị cáo dẫn đến cự cãi đánh nhau, khi được mọi người can ngăn bị cáo về nhà lấy cây dao tự chế đến nhà bị hại để chém bị hại, bị hại dùng ống kim loại đỡ làm lưỡi dao văng ra và rơi xuống đường và được mọi người can ngăn, bị cáo không dừng lại ở đó mà tiếp tục về nhà lấy cây dao tự chế khác và kêu bạn đi theo để hỗ trợ, lần này bị cáo chém mất xương đốt gần và đốt xa ngón I tay phải của bị hại. Hành vi của bị cáo chém bị hại là xem thường pháp luật, gây dư luận xôn xao và bất bình trong quần chúng nhân dân, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự trị an tại nơi xảy ra vụ án, là nơi có đông dân cư sinh sống. Mặt khác, còn xâm phạm đến thân thể của bị hại một cách trái pháp luật. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Thành L cố tình thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không bị ai xúi giục, trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngày 12/3/2019 bị cáo đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt dưới mức khung hình phạt quy định.

Xét thấy mức án đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo là chưa nghiêm so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn ống kim loại dài 120cm, đường kính 18mm, tình trạng đã qua sử dụng, bị cong, móp một đoạn; do vật chứng không có giá trị sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường và cũng không đồng ý nhận bồi thường, nhưng Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại với số tiền là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

[8] Về hung khí gây án: qua lời khai nhận, bị cáo đã sử dụng con dao tự chế của một người bạn tên T2 ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ họ tên và địa chỉ cụ thể) cho bị cáo, có đặc điểm dài khoảng 80cm đến 100cm, bề ngang lưỡi dao khoảng 03cm, cán dao bằng kim loại dài khoảng 10 cm, lưỡi dao sắc một bề, mũi dao bầu tròn. Tuy nhiên sau khi chém B xong, bị cáo L chở T về nhà, do quá say nên bị ngã xe vài lần và làm rơi cây dao tự chế ở đâu không nhớ rõ. Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được cây dao có đặc điểm như bị cáo L khai nhận.

Đối với chiếc mũ bảo hiểm bị cáo L dùng để ném vào người bị hại B gần khu vực cầu Kinh 6 thuộc ấp Đ, xã T, huyện T, Cơ quan điều tra đã tìm kiếm tại địa điểm xảy ra vụ việc, tuy nhiên không thu hồi được.

Chiếc xe mô tô hiệu Vario 150, biển kiểm soát 68T1-399.56 mà bị cáo L sử dụng để chạy đi tìm B gây thương tích là của ông Võ Thanh N (là cha của bị cáo) là chủ sở hữu. Ông N chỉ đưa xe để bị cáo sử dụng mà không biết bị cáo dùng làm

phương tiện phạm tội. Do đó, qua xác minh Cơ quan điều tra không thu giữ phương tiện trên, là phù hợp.

Đối tượng Nguyễn Thành T (thường gọi là T) qua xác minh chưa xác định được T đang ở đâu nên hiện tại chưa làm việc được đối tượng. Điện thoại của bị cáo L dùng để liên lạc với T bị hỏng nên không thể xác minh thêm để tìm kiếm đối tượng. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm và xác minh nhưng hiện tại chưa làm việc được với Nguyễn Thành T, sẽ tiếp tục xác minh truy tìm, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Thành L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thành L 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 13/5/2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn ống kim loại dài 120cm, đường kính 18mm, tình trạng đã qua sử dụng, bị cong, móp một đoạn.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 23/QĐ-VKSTH ngày 05/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Thành L bồi thường cho bị hại Trương Thành B với số tiền là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng); số tiền trên hiện bị cáo đã nộp được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 06735 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo còn phải nộp thêm 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Thành L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến